



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'**

TỌA ĐÀM

Phát triển kinh tế Biển: Động lực mới cho phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long

BÁO CÁO THAM LUẬN:

Nuôi trồng và Khai thác hải sản: Động lực phát triển kinh tế biển

TS. Trần Đình Luân

Ngày 27/6/2025



I. TỔNG QUAN CHUNG NGÀNH TS

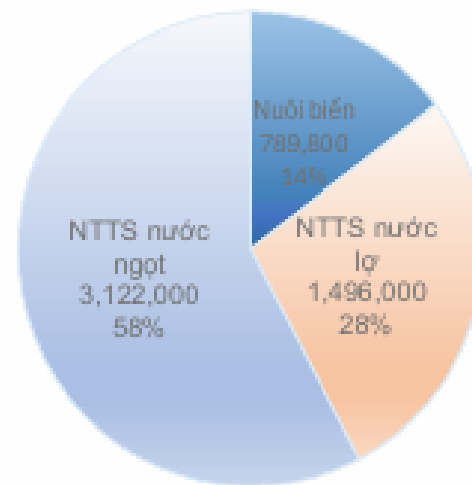
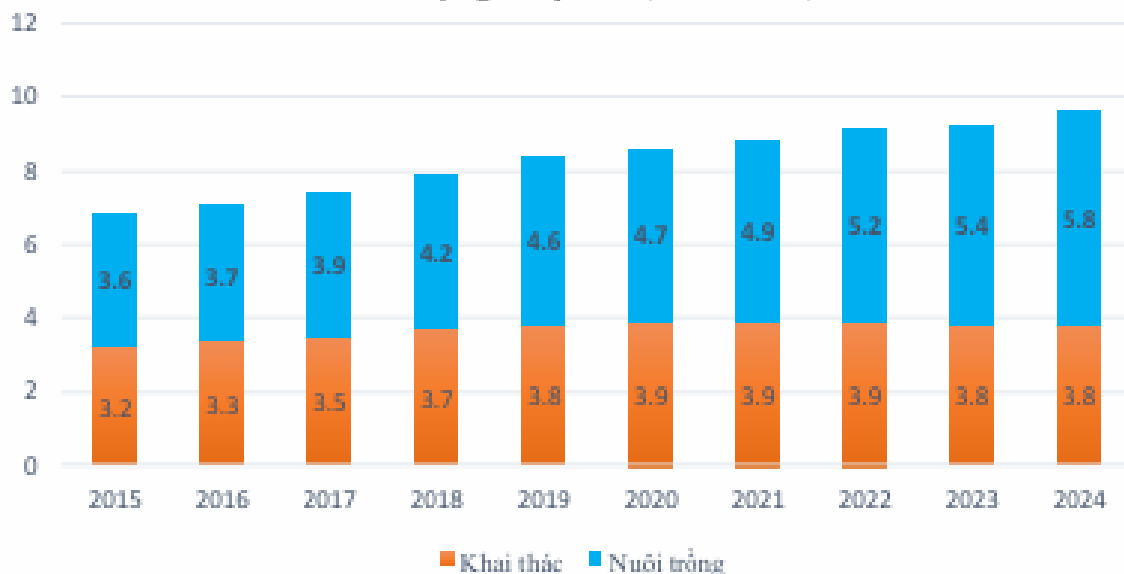
- Việt Nam có chiều dài bờ biển 3.260 km; diện tích mặt biển 1 triệu km² và hơn 4000 đảo, quần đảo; Hệ thống sông, hồ dày đặc.
- Đa dạng loại hình sinh thái: nước ngọt, nước lợ, nước mặn, nuôi biển và nuôi hồ chứa. Trong đó hơn 12.000 loài sinh vật biển,
- Tính riêng năm 2024, tổng sản lượng thủy sản đạt trên 9,6 triệu tấn; trong đó, NTTS: 5,8 triệu tấn (chiếm tỷ trọng khoảng 60%); KTTS; đạt 3,8 triệu tấn. Tính theo giai đoạn 2015-2024, sản lượng tăng trung bình từ 3-4,5%/năm. Trong đó, cơ cấu sản lượng thay đổi đáng kể khi sản lượng NTTS xu hướng tăng mạnh, sản lượng KTTS có xu hướng tăng nhẹ và giảm dần.



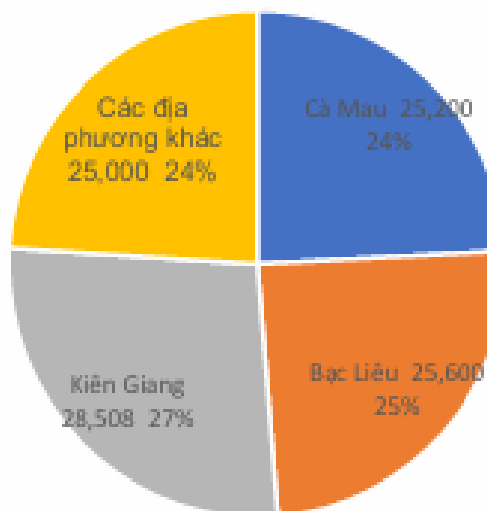


Sản lượng thủy sản giai đoạn 2015-2024

Sản lượng thủy sản (2015-2024)



Nuôi biển NTTS nước lợ NTTS nước ngọt

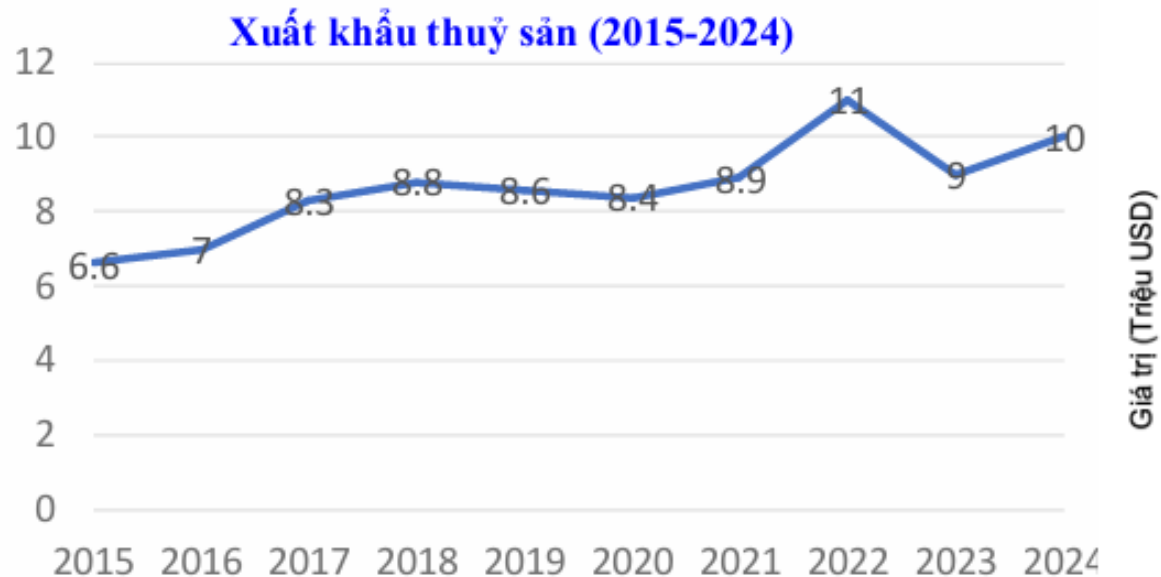


SL của biển 2024 (tấn) (Source: DOF, 2024)



I. TỔNG QUAN CHUNG NGÀNH TS (tiếp)

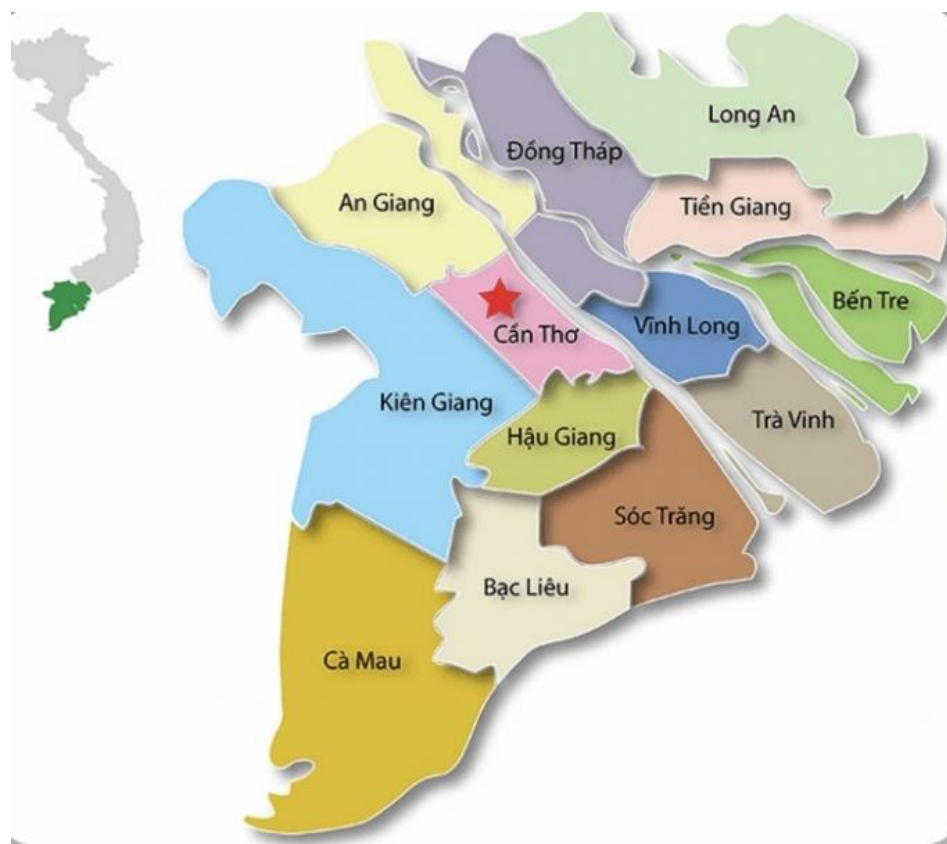
- Thủy sản Việt Nam đã có vị thế nhất định trên thế giới, cụ thể: TOP 4 thế giới về sản lượng NTTS và TOP 3 thế giới về xuất khẩu thủy sản, có mặt tại hơn 170 Quốc gia và Vùng Lãnh thổ.
- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản luôn có sự tăng trưởng tốt, tính riêng năm 2024 đạt: 10,07 tỷ USD, Các mặt hàng XK chủ lực như: tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc...
- Thủy sản luôn là ngành kinh tế quan trọng của đất nước, chiếm từ 4-5% GDP cả nước và khoảng 25% GDP của ngành nông nghiệp.
- Tạo việc làm cho khoảng 04 triệu lao động các tỉnh ven biển nông thôn, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ chủ quyền trên biển của đất nước.
- Hệ thống cơ sở pháp lý cơ bản hoàn thiện (Luật, Nghị định, Thông tư) phù hợp với định hướng phát triển ngành bền vững và hội nhập quốc tế.



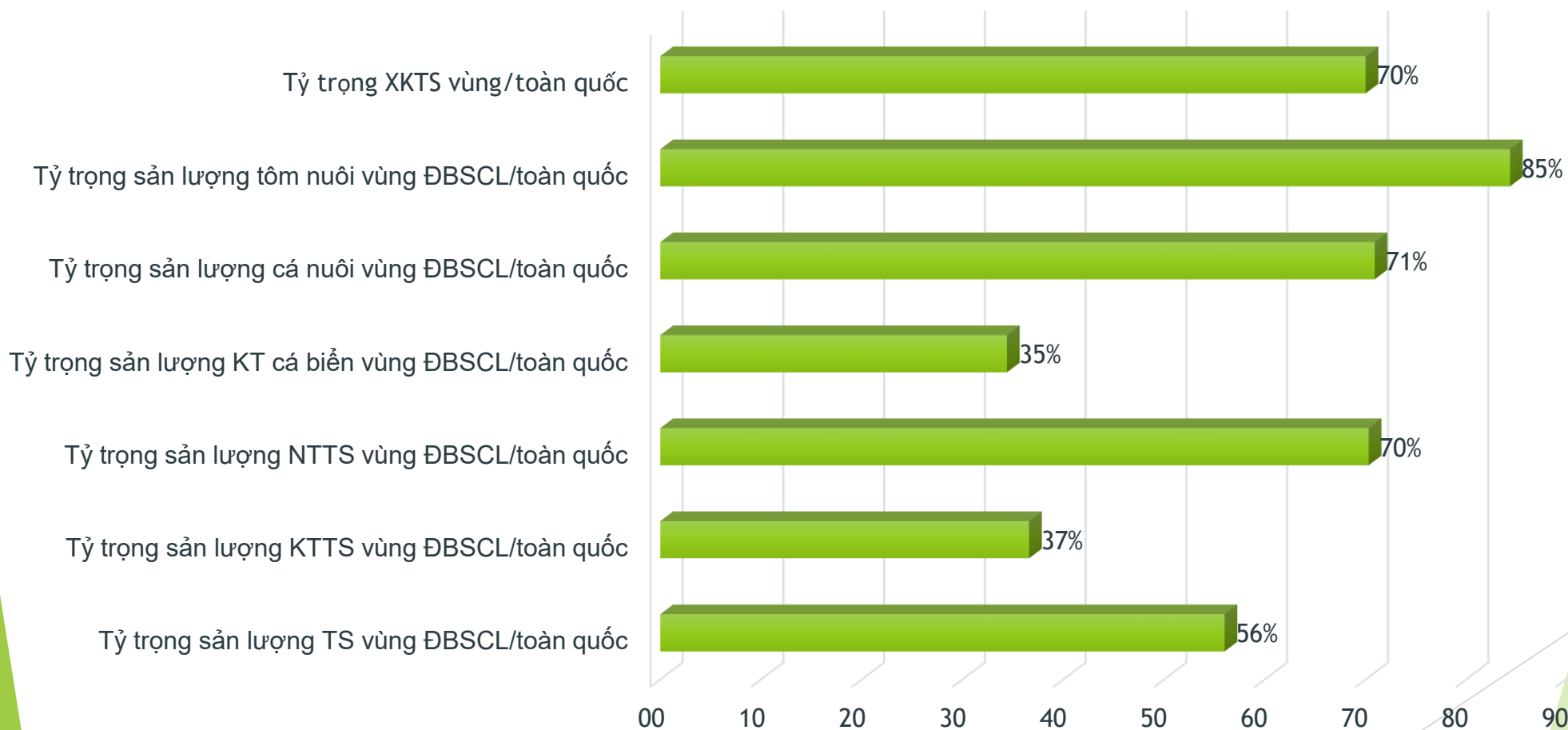
II. VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ ĐBSCL ĐỐI VỚI NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM



- ĐBSCL là trung tâm sản xuất thủy sản lớn nhất cả nước, cả về quy mô và giá trị.
- Tính chất đại diện của ngành thủy sản Việt Nam trong cả lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản.



II. VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ ĐBSCL ĐỐI VỚI NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM (TIẾP)



(Source: VIFEP, 2023)



III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

3.1. Về khai thác thủy sản

- Khai thác và quản lý theo vùng: Vùng Bờ, vùng Lộng và Vùng Khoi.
- Tính đến ngày 20/5/2025, số lượng tàu cá cả nước đã đăng ký, được cập nhật đầy đủ trên cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) là 82.175 tàu cá. Trong đó riêng 07 tỉnh ĐBSCL (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang) chiếm khoảng gần 28% tổng số tàu cá nước.
- Sản lượng thủy sản từ khai thác của ĐBSCL chiếm khoảng 35% trong tổng số tổng sản lượng từ 3,4–3,6 triệu tấn/năm của cả nước.

Tuy nhiên:

- Nguồn lợi thủy sản đang có dấu hiệu suy giảm, đặc biệt vùng biển ven bờ dẫn đến năng suất sản lượng có xu hướng giảm
- EU đã cảnh báo “thẻ vàng” IUU từ năm 2017 đến nay (*tàu khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài; quản lý, giám sát đội tàu; truy xuất nguồn gốc sản phẩm....*)



III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG (tiếp)

3.2. Nuôi trồng thủy sản trên biển

- Ngày 04/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành QĐ 1664/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển NTTS trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là định hướng lớn, góp phần phát triển ngành nuôi biển chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu phát triển nuôi trồng thủy sản.
- Hiện nay, Nuôi biển phát triển mạnh và từng bước ứng dụng công nghệ cao ở các tỉnh như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kiên Giang, Quảng Ninh...
- Đối tượng nuôi biển chính như: cá chẽm, cá bóp, cá chim vây vàng, tôm hùm, nhuyễn thể (ngao, hào), đặc biệt rong biển....

Tuy nhiên:

- Ngành nuôi biển còn gặp nhiều khó khăn khi hạ tầng vùng nuôi còn yếu, thiếu quy hoạch bền vững, nguy cơ rủi ro về ô nhiễm môi trường nước ven biển, đầu tư lớn,...

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN THỜI GIAN TỚI



CHIẾN LƯỢC

Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN

QĐ 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022
Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030

QĐ 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021
Đề án phát triển NTTS trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quyết định 541/QĐ-TTg ngày 20/4/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050

Quyết định 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030

Quyết định 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021 - 2030

Quyết định 1090/QĐ-TTg ngày 19/9/2022 phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030

Quyết định 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái

QĐ 643/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN THỜI GIAN TỚI (Tiếp)



- Mục tiêu chung đến năm 2030

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc (*tốc độ tăng trưởng 3-4%, sản lượng 9,8 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 14-16 tỷ USD,...*)

- Tầm nhìn đến năm 2045

Thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; là trung tâm chế biến thủy sản sâu, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; bảo đảm an sinh xã hội, làng cá xanh, sạch, đẹp, văn minh; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung cả nước; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

V. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỦY SẢN THỜI GIAN TỚI



5.1. Về Khai thác thủy sản, tập trung:

- Phát triển khai thác hải sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản.
- Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lồng, ven bờ và KTTS nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với phát triển NTTS, du lịch sinh thái, nghề cá giải trí.
- Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác IUU.
- Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, cơ giới hoá, hiện đại hoá tàu cá; giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch đến năm 2030 dưới 10%; đảm bảo ATTP cho tàu cá, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.
- Hiện đại hoá công tác quản lý nghề cá trên biển nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro thiên tai trên biển. Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển...

V. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỦY SẢN THỜI GIAN TỚI (tiếp)



5.2. Về Nuôi trồng thủy sản biển, tập trung:

- Tiếp tục phát triển nuôi hiệu quả các đối tượng chủ lực và các loài có giá trị kinh tế gắn bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với BĐKH.
- Chủ động phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao. Ưu tiên phát triển giống các đối tượng nuôi chủ lực, giá trị kinh tế cao, các loài mới có tiềm năng.
- Phát triển nuôi biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hoá, khuyến khích phát triển NTTS quy mô công nghiệp ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- Phát triển nuôi trồng vi tảo, rong biển phục vụ nhu cầu thực phẩm và cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác (mỹ - dược phẩm...)
- Khuyến khích phát triển các mô hình NTTS ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành SX, thân thiện với môi trường, thích ứng với BĐKH; các mô hình nuôi hữu cơ, sinh thái, áp dụng tiêu chuẩn GAP để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.
- Ứng dụng CNTT, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư thủy sản, phòng trừ dịch bệnh, NTTS...



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU

Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

<https://cucthuysan.gov.vn>

**TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN**